



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171
2734 - 9098

TẠP CHÍ

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

TNU JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCE - HUMANITIES - ECONOMICS

ISSN 1859 - 2171
2734 - 9098

TẠP CHÍ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Tập 227, số 09, 2022



227(09)
822
CamScanner

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Nguyễn Xuân Trung - Một số bất cập trong quản lý nhà nước về đào tạo và sát hạch lái xe ô tô	03
Tô Văn Hạnh, Phạm Thị Chi, Phạm Thị Minh Chính - Sự hài lòng của sinh viên tham gia hoạt động du lịch học tập cộng đồng tại xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	14
Đỗ Thị Hồng Nga, Trương Thị Hồng Thúy, Nguyễn Mỹ Duyên, Nguyễn Ngọc Mai, Nguyễn Hoàng Minh - Ứng dụng xác suất thống kê trong nghiên cứu khoa học của sinh viên y khoa trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên	24
Nguyễn Thị Nguyên, Bùi Hoàng Tân - Vai trò của hệ thống kênh đào đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long nửa đầu thế kỷ XIX	33
Lê Thái Phương - Động cơ học tập và ý định chuyển ngành của sinh viên du lịch trong bối cảnh COVID-19	41
Ngô Thị Quang, Cao Thị Phương Nhung - Một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo theo chuẩn mới của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020	49
Lê Thái Phương, Phan Kim Ngân, Nguyễn Thị Bảo Uyên - Nhu cầu du lịch cộng đồng của giới trẻ Đà Nẵng đối với các điểm đến tại địa phương và vùng lân cận	56
Phạm Thị Vân Huyền, Vũ Thị Hạnh - Mô típ biến hình trong “Tây du ký” của Ngô Thừa Ân	67
Lê Thái Phương - Tác động của động cơ học tập đến năng lực tự học của sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	76
Nguyễn Thu Thủy, Hoàng Thái Sơn, Nguyễn Thị Ngọc An - Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang	84
Phan Kim Ngân - Đánh giá khả năng phát triển du lịch tại các làng nghề ở thành phố Đà Nẵng	91
Trần Thị Minh Hòa, Phạm Thị Hồng Nhung - Sử dụng một số ma trận nhằm lựa chọn chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ của khách sạn Mường Thanh Luxury Quảng Ninh	100
Lưu Hón Vũ - Phân tích hiện tượng nhầm lẫn các động từ “帮”, “帮忙”, “帮助” trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam	109
Nguyễn Thị Diệu Hà, Vũ Thị Luyện - Sử dụng báo mạng để nâng cao kỹ năng đọc cho sinh viên: Một nghiên cứu hành động tại Đại học Thái Nguyên	116
Nghiêm Thị Hồ Thu - Làng quê trong văn xuôi Ngọc Giao	123
Đỗ Anh Vinh - Đảng cầm quyền xây dựng đạo đức cách mạng thời kỳ mới	132
Nguyễn Văn Đức - Vai trò và đóng góp của nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc (1945 - 1954)	141
Trịnh Thị Hương - Suất sinh lợi giáo dục tại Việt Nam giai đoạn 2014-2018: Kết quả từ mô hình hồi quy với biến công cụ	149
Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Phạm Thị Thanh Vân - Hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Thái Nguyên	158
Lê Thái Phương - Đo lường hành vi tự nguyện của nhân viên tại doanh nghiệp du lịch trong bối cảnh COVID-19	169
Hồ Thị Khánh Linh, Nguyễn Ngọc Trân, Lê Thị Loan - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giảng viên trẻ tại trường Đại học Đồng Tháp	177
Hoàng Hà Anh, Trần Minh Dạ Hạnh, Bùi Xuân Nhã, Nguyễn Ngọc Thùy - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thao túng báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	186

Chữ Văn Tuyên, Vũ Văn Long - Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở thành phố Hà Nội (2015 - 2020) - Chủ trương và kết quả	195
Lê Thái Phụng - Rủi ro cảm nhận của người dân khi tham gia du lịch trong bối cảnh COVID-19 – Nghiên cứu tại thành phố Đà Nẵng	201
Nguyễn Thị Huyền Trang - Hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc: 30 năm nhìn lại	210
Lêng Thị Lan - Câu đố các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, độc đáo phương thức ra đố và môi trường diễn xướng	219
Nguyễn Thảo Vân, Đỗ Tây Hiền - Thiết kế hoạt động sửa lỗi phát âm /n/ và /l/ cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất tại trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	225
Nguyễn Thị Kim Phụng - Sơ lược chính sách giáo dục tiếng Hán tại Việt Nam năm 1874-1906	235
Lê Trúc Linh - Đa dạng thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại Trà Vinh	243
Nguyễn Giác Trí, Huỳnh Quốc Tuấn - Các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu Khoa Kinh tế, trường Đại học Đồng Tháp	251
Nguyễn Thị Mai Hương, Phạm Thị Trà My, Nguyễn Thị Lan Anh - Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam	259
Nguyễn Việt Hà - Một số giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn quân sự trong quân đội hiện nay	268
Chu Thành Huy, Nguyễn Thị Bích Liên, Vi Thùy Linh, Nguyễn Anh Hùng, Trần Văn Thiệu - Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	274
Ngô Thị Trà, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Mai - Phân tích lỗi sai khi sử dụng trợ từ ngữ khí “吧, 呢, 吗” của sinh viên Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên và kiến nghị dạy học	282
Đặng Thị Lệ Tâm - Đọc mở rộng trong chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học	289
Nguyễn Thị Hạnh - Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến các môn lý luận chính trị cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	296
Nguyễn Đình Quỳnh, Nguyễn Thị Thu Hà - Phương sách dùng người dưới thời vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497)	303
Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Như Trang - Dạy học lập trình cho học sinh lớp 11 theo hướng ứng dụng tin học vào thực tiễn	310
Nguyễn Thị Thương Huyền - Nghiên cứu về việc sử dụng phương pháp dạy học dự án để cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên	316
Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Đánh giá vai trò của các nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn điểm đến của khách du lịch nội địa (Nghiên cứu trường hợp thành phố Hồ Chí Minh)	322
Ngô Thị Lan Hương, Dương Thị Huyền - Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực ở trường trung học phổ thông	331
Dương Hồng Yến, Nguyễn Thị Phụng - Sử dụng TED Talks làm nguồn nghe mở rộng để nâng cao kỹ năng nghe của sinh viên Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	340
Phùng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Hương Giang - Nghiên cứu về việc sử dụng công cụ EdTech để tăng động lực học tiếng Anh của học sinh lớp 8 tại một trường trung học cơ sở của tỉnh Thái Nguyên	346
Nguyễn Quang Linh - Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua giáo dục STEM	352
Hoàng Xuân Trường, Mai Văn Cận - Yếu tố Mỹ trong quan hệ Ấn Độ - Nga giai đoạn 1991-1999	363
Đàm Thị Uyên, Đỗ Thị Xuân - Nhà nước Lý - Trần với các tộc người miền biên giới phía Bắc	372
Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền - Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	379
Lê Thị Hằng, Đặng Thị Thanh Hương, Nguyễn Vũ Thu Hà - Nghiên cứu tổng quan về ảnh hưởng của chương trình bồi dưỡng chuyên môn đối với tín niệm và thực hành giảng dạy trên lớp của giáo viên tiếng Anh	389
Bùi Trọng Tài, Nguyễn Nam Hà, Nguyễn Đình Yên - Hợp tác với doanh nghiệp và địa phương góp phần nâng cao năng lực xếp hạng ở Đại học Thái Nguyên hiện nay	397

Nguyễn Thị Hồng Viên, Chu Thị Hồng Huyền, Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Thị Đông - Đánh giá nhận thức của người dân phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn	408
Vũ Thị Phương, Nguyễn Thị Suối Linh - Đánh giá hình ảnh điểm đến du lịch Hồ Ba Bể của khách du lịch nội địa	415
Lê Thái Phương, Mai Thị Phương, Nguyễn Quang Cường - Sự đồng cảm, sự gắn kết và hành vi tự nguyện phục vụ tổ chức của nhân viên du lịch trong bối cảnh COVID-19	424
Lê Vũ Quỳnh Nga - Khảo sát khả năng nhận diện thành ngữ, những khó khăn và chiến lược dịch thành ngữ của sinh viên năm 3 - ngành Ngôn ngữ Anh trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	432
Nguyễn Thị Diệu Hà, Đỗ Phương Thanh - Nhận thức của giáo viên và học sinh về việc nâng cao vốn từ vựng của học sinh thông qua học ngôn ngữ trên thiết bị di động tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam	441
Trần Thị Lan - Vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học ở trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên – Những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn	449
Mai Văn Nam - Sử dụng bảo tàng ảo trong dạy học Lịch sử Việt Nam ở trường trung học phổ thông các tỉnh trung du miền núi phía Bắc	458
Vũ Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hương Lan - So sánh quan điểm cách quản lý lớp học của giảng viên với cảm nhận sinh viên tại trường Đại học Luật Hà Nội	466
Nguyễn Thị Bình Minh, Nguyễn Vũ Hoàng - Chia sẻ kiến thức và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong canh tác nông nghiệp của nông dân tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	474
Nguyễn Quang Linh - Tổ chức dạy học STEM chủ đề “Nhà cách âm” - Khoa học tự nhiên 7	482
Phạm Thị Diễm Hương - Một số vấn đề về truyền thông trên mạng xã hội qua nghiên cứu tin giả về đại dịch COVID-19 tại Việt Nam	490
Vi Thị Hoa, Thẩm Minh Tú, Nguyễn Hồng Minh - Thiết kế phương án kiểm tra đánh giá học phần khẩu ngữ tiếng Trung Quốc sơ cấp tại trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	500
Đào Thị Bích Hồng - Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và những yêu cầu đặt ra của Đồng bằng sông Cửu Long	507
Lành Ngọc Tú, Đặng Thị Bích Huệ, Nguyễn Thị Hải Yến - Đánh giá ảnh hưởng của dự án Ngân Hà Viên đến đời sống của người dân trên địa bàn xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	516
Đỗ Thị Vũ Phương - Thực trạng và vấn đề chuyển đổi số trong giáo dục tại trường trung học phổ thông tỉnh Hưng Yên hiện nay	524
Nguyễn Đình Yên, Lê Văn Hiếu - Sinh viên Đại học Thái Nguyên góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa, tư tưởng trong kỷ nguyên số	534
Nguyễn Quang Linh, Kiều Thị Khánh - Xây dựng quy trình thiết kế bài dạy theo giáo dục STEM trong dạy học môn khoa học tự nhiên	543
Bùi Thị Hạnh Lâm, Nguyễn Danh Nam - Giải pháp phát triển giáo dục STEM ở trường phổ thông Việt Nam	551
Đàm Thị Uyên, Mai Thị Hồng Vĩnh - Tín ngưỡng của người Lô Lô ở miền Tây Cao Bằng	559
Vũ Trọng Lượng, Từ Quang Trung, Cao Thị Thu Hoài - Một số biện pháp khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	568
Ngô Thị Mỹ Bình, Nguyễn Thị Tân Tiến, Vi Thị Phương Lan - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy trực tuyến tại trường Đại học Y - dược, Đại học Thái Nguyên	576
Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền - Vai trò của việc sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho sinh viên	582
Thái Thị Thủy - Tính hiệu quả của việc sử dụng thủ thuật sơ đồ tư duy trong việc phát triển kỹ năng đọc hiểu của học sinh lớp 12	590
Jan Aldrick Sales Sendaydiego, Hoàng Thị Lệ Giang - Tác động của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với xuất khẩu của Việt Nam: Vai trò của nước thứ ba	598
Hoàng Thu Nga - Lỗi sai hay mắc phải của sinh viên tiếng Trung Quốc trong việc chia động từ tiếng Pháp ở quá khứ kép với trợ động từ être tại trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	606
Đoàn Đức Hải - Nhân vật nữ trong truyện ngắn của Chu Lai	614

Lê Thái Phụng - Chất lượng học tiếng Anh trực tuyến trong bối cảnh COVID-19 tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	619
Nguyễn Thùy Linh, Đỗ Thị Sơn - Dạy tiếng Anh theo dự án trong trường trung học ở Việt Nam, vấn đề và giải pháp	628
Hoàng Thị Cương, Trần Thị Tuyết Oanh - Biện pháp phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng chương trình đào tạo tiên tiến ở các trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên	636
Trần Ngọc Gái - Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Tháp	646
Nguyễn Hữu Thắng, Hồ Thị Khánh Linh - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Trung của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp	654
Lê Thái Minh Long, Võ Nguyễn Tú Anh - Các yếu tố hình thành năng lực dạy học thí nghiệm của sinh viên sư phạm tại trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	662
Nguyễn Hồng Nhung - Xung đột Nga - Ukraine đầu thế kỷ XXI dưới góc nhìn chủ nghĩa dân tộc	671
Hà Triệu Huy - Những ảnh hưởng của nền văn minh Đại Việt trong quá trình khẩn hoang của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào thế kỷ XVII-XVIII	680
Nguyễn Thị Minh Thu, Nguyễn Thị Thắm - Niềm tin tâm linh và bài học ứng xử trong Then của người Nùng ở Đồng Hỷ, Thái Nguyên	691
Hoàng Thị Huyền Trang, Nguyễn Văn Tân - Nhu cầu học tập của sinh viên đối với môn viết đoạn văn trong tiếng Anh	699
Phạm Minh Tâm - Phó từ phản vấn 难道 trong tiếng Hán trong tương quan với tiếng Việt	706
Vũ Thị Ninh - Nghiên cứu sơ bộ về kỹ thuật dạy từ vựng tiếng Anh cho học sinh tiểu học	713
Nguyễn Thị Minh Phương - Ứng dụng những câu chuyện thú vị về chữ Hán trong việc giảng dạy cho sinh viên nước ngoài trình độ sơ cấp	721

Content	Page
Nguyen Xuan Trung - Some inadequacies in the state management of driving training and testing	03
To Van Hanh, Pham Thi Chi, Pham Thi Minh Chinh - Student satisfaction participation in community learning tourism activities in Hoa Bac commune, Hoa Vang district, Da Nang city	14
Do Thi Hong Nga, Truong Thi Hong Thuy, Nguyen My Duyen, Nguyen Ngoc Mai, Nguyen Hoang Minh - Application of probability and statistics in scientific research of medical students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	24
Nguyen Thi Nguyen, Bui Hoang Tan - The role of the canal system in agricultural economic development in the Mekong Delta in the first half of the 19th century	33
Le Thai Phuong - Learning motivation and intention to change majors of tourism students in the context of COVID-19	41
Ngo Thi Quang, Cao Thi Phuong Nhung - Achievements in poverty reduction up to the new standard of Thai Nguyen province in the period of 2016-2020	49
Le Thai Phuong, Phan Kim Ngan, Nguyen Thi Bao Uyen - Demand of young residents in Danang city for locality and the neighboring regions community-based tourism destinations	56
Pham Thi Van Huyen, Vu Thi Hanh - The transformational motif in “Travel to the West” by Ngo Thua An	67
Le Thai Phuong - The impact of learning motivation on self ability of students at universities in Da Nang city	76
Nguyen Thu Thuy, Hoang Thai Son, Nguyen Thi Ngoc An - Community tourism development in Ha Giang province	84
Phan Kim Ngan - Assessment of tourism development capacity in craft villages in Da Nang city	91
Tran Thi Minh Hoa, Pham Thi Hong Nhung - Use some matrixes to select the strategy of products development of hotel Muong Thanh Luxury Quang Ninh	100
Luu Hon Vu - An analysis on the confusion of Vietnamese students’ Chinese verbs “帮”, “帮忙”, “帮助”	109
Nguyen Thi Dieu Ha, Vu Thi Luyen - Using online newspapers to enhance students’ reading skills: An action research at Thai Nguyen University	116
Nghiem Thi Ho Thu - Village in Ngoc Giao’s prose	123
Do Anh Vinh - The ruling party builds the new era’s revolutionary morality	132
Nguyen Van Duc - The contributions and roles of the people in Thai Nguyen, Tuyen Quang province to the setting up of the Viet Bac base (1945 - 1954)	141
Trinh Thi Huong - The return to schooling in Vietnam from 2014 to 2018: An evaluation based on instrumental variables	149
Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Pham Thi Thanh Van - Vocational training activities for rural workers in Thai Nguyen province	158
Le Thai Phuong - Measurement of employees’ extra-role behaviors at tourism businesses in the context of COVID-19	169
Ho Thi Khanh Linh, Nguyen Ngoc Tran, Le Thi Loan - Factors affecting the working motivation of young lecturers at Dong Thap University	177
Hoang Ha Anh, Tran Minh Da Hanh, Bui Xuan Nha, Nguyen Ngoc Thuy - Factors affecting the manipulation of financial statements of enterprises listed on Hanoi Stock Exchange	186
Chu Van Tuyen, Vu Van Long - Development of high-tech application agriculture in Hanoi city (2015 - 2020) - Policies and results	195
Le Thai Phuong - Risk perception of Danang citizens participating in tourism in the context of COVID-19	201

Nguyen Thi Huyen Trang - Vietnam – South Korea education and training cooperation: Looking back 30 years	210
Leng Thi Lan - Riddles of ethnic minorities in the Northern mountainous region, unique features of riddle methods and folklore performance environment	219
Nguyen Thao Van, Do Tay Hien - Design activities to correct pronunciation errors in /n/ sound and /l/ sound for first-year English majors at Thai Nguyen University of Education	225
Nguyen Thi Kim Phuong - Brief overview of Chinese language education policy in Vietnam in 1874-1906	235
Le Truc Linh - Income diversification and factors affecting rural households' income in Tra Vinh province	243
Nguyen Giac Tri, Huynh Quoc Tuan - Factors affecting the brand image of Faculty of Economics, Dong Thap University	251
Nguyen Thi Mai Huong, Pham Thi Tra My, Nguyen Thi Lan Anh - Factors affecting the securities investment decision of new personal investors on the stock market in Vietnam	259
Nguyen Viet Ha - Some solutions to develop the teaching staff of social sciences and military humanities in the army today	268
Chu Thanh Huy, Nguyen Thi Bich Lien, Vi Thuy Linh, Nguyen Anh Hung, Tran Van Thieu - Research on the situation of medical solid waste management in Lai Chau city, Lai Chau province	274
Ngo Thi Tra, Vu Thi Huyen Trang, Nguyen Thi Mai - An analysis of errors in using the modal particle “吧, 呢, 吗” made by students at the School of Foreign Languages – Thai Nguyen University and teaching recommendations	282
Dang Thi Le Tam - Extensive reading in elementary Vietnamese learning programs and texts	289
Nguyen Thi Hanh - Some solutions to enhance the quality of online teaching political theory subjects for students University of Education – Thai Nguyen University	296
Nguyen Dinh Quynh, Nguyen Thi Thu Ha - The method of using people under Le Thanh Tong king (1442 – 1497)	303
Ngo Thi Tu Quyen, Nguyen Nhu Trang - Programming teaching for 11 th grade students with an orientation towards practical application	310
Nguyen Thi Thuong Huyen - A quasi-experimental study on using project based learning on improving speaking skill	316
Nguyen Thi Binh, Nguyen Thi Minh Nguyet - Assessing the role of factors affecting the destination choice of domestic tourism (case study of Ho Chi Minh city)	322
Ngo Thi Lan Huong, Duong Thi Huyen - The construction of Historical multiple-choice questions towards capacity development in high schools	331
Duong Hong Yen, Nguyen Thi Phuong - Using TED Talks as an extensive listening resource to enhance students' listening skills at School of Foreign Languages – Thai Nguyen University	340
Phung Thi Thu Hien, Bui Thi Huong Giang - A study on the use of EdTech tools to enhance grade 8 students' motivation in learning English at a secondary school in Thai Nguyen province	346
Nguyen Quang Linh - Developing students' creative thinking through STEM education	352
Hoang Xuan Truong, Mai Van Can - The United States factor in India-Russia relations in the period 1991-1999	363
Dam Thi Uyen, Do Thi Xuan - The Ly – Tran dynasties with ethnic groups in the Northern border area	372
Vu Thi Thuy, Pham Thi Huyen - Using group discussion method in teaching Ho Chi Minh Thought with capacity development orientation at University of Education – Thai Nguyen University	379
Le Thi Hang, Dang Thi Thanh Huong, Nguyen Vu Thu Ha - A review on the effects of a professional development program on EFL teachers' beliefs and their classroom practices	389
Bui Trong Tai, Nguyen Nam Ha, Nguyen Dinh Yen - Cooperation with enterprise and local contribution to improve ranking capacity at Thai Nguyen University	397
Nguyen Thi Hong Vien, Chu Thi Hong Huyen, Nguyen Thu Huyen, Nguyen Thi Dong - Assessment of people's awareness of domestic waste classification at source in Hoang Van Thu ward, Thai Nguyen city	408
Vu Thi Phuong, Nguyen Thi Suoi Linh - Domestic tourists' evaluation of the image of Ba Be Lake tourist destination	415

Le Thai Phuong, Mai Thi Phuong, Nguyen Quang Cuong - Empathy, engagement and organizational citizenship behavior of tourism employees in the context of COVID-19	424
Le Vu Quynh Nga - A survey of idioms recognition, difficulties & translation strategies of 3rd-year students majoring English Languages at School of Foreign Language - Thai Nguyen University	432
Nguyen Thi Dieu Ha, Do Phuong Thanh - Teachers' and students' perceptions of mobile – assisted language learning in enhancing learners' english vocabulary at a high school in Vietnam	441
Tran Thi Lan - Applying the Blended learning model in teaching Scientific Socialism at Thai Nguyen University of Education - Requirements from practice	449
Mai Van Nam - Using virtual museums for teaching Vietnamese History in high schools in the Northern highlands	458
Vu Van Tuan, Nguyen Thi Huong Lan - Comparing teachers' viewpoints of classroom management styles with students' feelings at Hanoi Law University	466
Nguyen Thi Binh Minh, Nguyen Vu Hoang - Famer's sharing knowledge and climate change adaptability in Hoa An district, Cao Bang province	474
Nguyen Quang Linh - Organizing STEM-oriented teaching activities "Soundproofing House" - Textbook of natural sciences 7	482
Pham Thi Diem Huong - Some issues about social network communications through research of fake news about COVID-19 pandemic in Vietnam	490
Vi Thi Hoa, Tham Minh Tu, Nguyen Hong Minh - Assessment framework for elementary Chinese speaking exam at School of Foreign Languages – Thai Nguyen University	500
Dao Thi Bich Hong - Economic development in connection with environmental protection in the time of industrialization, modernization and requirements of the Mekong Delta region	507
Lanh Ngoc Tu, Dang Thi Bich Hue, Nguyen Thi Hai Yen - Assessment of the impact of the Ngan Ha Vien project on the life of people in Thinh Duc commune, Thai Nguyen city	516
Do Thi Vu Phuong - Current situation and issues of digital transformation in education at a high school in Hung Yen province	524
Nguyen Dinh Yen, Le Van Hieu - Thai Nguyen University students' contribution to protection of ideology and cultural identity in the digital age	534
Nguyen Quang Linh, Kieu Thi Khanh - Building the process of designing lesson plans following STEM education in teaching natural sciences	543
Bui Thi Hanh Lam, Nguyen Danh Nam - Solutions to the development of STEM education in Vietnam secondary schools	551
Dam Thi Uyen, Mai Thi Hong Vinh - The belief of the Lo Lo in the West of Cao Bang	559
Vu Trong Luong, Tu Quang Trung, Cao Thi Thu Hoai - Some measures to remove the malnutrition status for preschool children in ethnic minority areas	568
Ngo Thi My Binh, Nguyen Thi Tan Tien, Vi Thi Phuong Lan - Increase information technology in online teaching at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	576
Vu Thi Thuy, Pham Thi Huyen - The role of using group discussion method in teaching Ho Chi Minh Thought to develop student's problem solving capacity	582
Thai Thi Thuy - Effectiveness of using mind mapping techniques to improve twelfth-graders' reading comprehension skills	590
Jan Aldrick Sales Sendaydiego, Hoang Thi Le Giang - Impact of intellectual property rights protection on Vietnam's exports: The role of third countries	598
Hoang Thu Nga - Common errors of Chinese language students in verbe conjugation in dual past tense with auxiliary "être" in French at School of Foreign Languages - Thai Nguyen University	606
Doan Duc Hai - The female characters of Chu Lai's short stories	614
Le Thai Phuong - Quality of online learning English in the context of COVID-19 at universities in Da Nang, Viet Nam	619

Nguyen Thuy Linh, Do Thi Son - Project-based learning in English language teaching at Vietnamese secondary schools, problems and solutions	628
Hoang Thi Cuong, Tran Thi Tuyet Oanh - Current situation of developing teaching staff in advanced training programs at universities under Thai Nguyen University	636
Tran Ngoc Gai - Factors affecting motivation in learning English for specific purposes among students of Department of Economics at Dong Thap University	646
Nguyen Huu Thang, Ho Thi Khanh Linh - Factors affecting the need of students to learn the Chinese language at Dong Thap University	654
Le Thai Minh Long, Vo Nguyen Tu Anh - Factors effecting the organization of experiment teaching competence of pedagogical students at Ho Chi Minh City University of Education	662
Nguyen Hong Nhung - Russia - Ukraine conflict in the early 21st century under the perspective of nationalism	671
Ha Trieu Huy - Influences of Dai Viet civilization during Nguyen Lord's territorial aggrandizement in Cochinchina in the 17th and 18th centuries	680
Nguyen Thi Minh Thu, Nguyen Thi Tham - Spiritual beliefs and behavior lessons in Then songs of the Nung people in Dong Hy, Thai Nguyen	691
Hoang Thi Huyen Trang, Nguyen Van Tan - Students' learning needs for English paragraph writing	699
Pham Minh Tam - Corelation between Vietnamese and Chinese emphasized questioning adverbs nandao (难道)	706
Vu Thi Ninh - A preliminary study on English vocabulary teaching techniques for primary school students	713
Nguyen Thi Minh Phuong - Chinese characters teaching throuth interesting stories for foreign beginners	721

THE TRANSFORMATIONAL MOTIF IN “TRAVEL TO THE WEST” BY NGO THUA AN

Pham Thi Van Huyen*, Vu Thi Hanh

TNU - University of Science

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 24/01/2022</p> <p>Revised: 12/5/2022</p> <p>Published: 12/5/2022</p>	<p>“Travel to the West” by Ngo Thua An is a representation of the kind of popular novels which is divided into different parts or chapters and belongs to the fabulous and bizarre kind of novels. It is also seen as one of the “four great strange books” which has a deep influence on social activities in some European and Asian nations of the classical Chinese literature. “Travel to the West” is loved by many readers at every age. There are many researches about this novel, but everyone's passion and interest in it have never been run out of. Using interdisciplinary research methods, poetic methods, combining operations: survey, statistics, analysis, the writing follows the motif system, specially the transformational motif into animals in “Travel to the West” in order to show the important role and function of this motif in setting up a mysterious but true and romantic world of this novel. It also affirms the creative work of the writer Ngo Thua An.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Travel to the West</p> <p>Ngo Thua An</p> <p>Chapter novels</p> <p>Motif</p> <p>Transformational motif</p>	

MÔ TÍP BIẾN HÌNH TRONG “TÂY DU KÝ” CỦA NGÔ THỪA AN

Phạm Thị Vân Huyền*, Vũ Thị Hạnh

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 24/01/2022</p> <p>Ngày hoàn thiện: 12/5/2022</p> <p>Ngày đăng: 12/5/2022</p>	<p>“Tây du ký” của Ngô Thừa Ân tiêu biểu cho tiểu thuyết chương hồi bình dân, thuộc thể loại thần quái. Tác phẩm được xem là một trong “tứ đại kỳ thư” của văn học cổ điển Trung Quốc đồng thời có ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt xã hội các dân tộc Á – Âu. “Tây du ký” được nhiều độc giả ở mọi lứa tuổi yêu thích. Những công trình nghiên cứu về tác phẩm này rất nhiều nhưng niềm say mê, sự quan tâm của mọi người dành cho nó thì chưa bao giờ vơi cạn. Sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp thi pháp học, kết hợp các thao tác: khảo sát, thống kê, phân tích, bài viết bám sát hệ thống mô típ trong “Tây du ký”, đặc biệt là mô típ biến hình thành động vật nhằm chỉ ra vai trò, chức năng quan trọng của mô típ này trong việc tạo dựng một thế giới ma quái nhưng cũng đầy tính hiện thực và lãng mạn của tác phẩm; đồng khẳng định những sáng tạo độc đáo của ngòi bút Ngô Thừa Ân.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Tây du ký</p> <p>Ngô Thừa Ân</p> <p>Tiểu thuyết chương hồi</p> <p>Mô típ</p> <p>Mô típ biến hình</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5483>

* Corresponding author. Email: huyenptv@tnus.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

67

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Mang bề dày của hàng ngàn năm lịch sử, văn học Trung Quốc đã để lại cho văn đàn thế giới và dân tộc mình những tia sáng không thể phai nhòa. Hơn bất cứ thể loại nào, tiểu thuyết chương hồi đã đạt đến trình độ hoàn chỉnh, có vai trò quan trọng trong lịch sử văn học nói chung và lịch sử phát triển của thể loại tiểu thuyết nói riêng.

Bắt nguồn từ truyện kể dân gian, tiểu thuyết chương hồi “Tây du ký” mang trong mình dòng máu của thần thoại. Từ mẫu đề thần thoại, bằng trí tưởng tượng và tài năng sáng tạo của mình, Ngô Thừa Ân đã nhào nặn nên một “Tây du ký” sinh động, hấp dẫn với nhiều tầng ý nghĩa. Cũng chính bởi vậy mà không ít những công trình nghiên cứu trên khắp thế giới cũng như ở nước ta đã dành nhiều sự ưu ái và quan tâm đến tác phẩm này.

Tác giả Trần Xuân Đề với công trình nghiên cứu “Về những bộ tiểu thuyết cổ điển hay nhất Trung Quốc” đã đưa ra những đánh giá xác đáng về giá trị hiện thực của “Tây du ký”: “Bằng những chi tiết li kỳ lắt léo, quanh co giàu kịch tính, Ngô Thừa Ân nêu bật tinh thần phản kháng của nhân dân, vạch trần bộ mặt đen tối của xã hội; ca ngợi việc chinh phục thiên nhiên và tinh thần vượt gian khổ của nhân dân lao động” [1, tr.142].

Tác giả Lê Anh Dũng trong cuốn “Giải mã truyện Tây du” nhìn nhận “Tây du ký” như là một tập hợp các ký hiệu có ý nghĩa biểu tượng, từ đó khơi mở, giải thích các ẩn số của nó bằng các tư tưởng Phật, Lão. Ông cho rằng: Ngô Thừa Ân đã “từ bỏ lối văn nghiêm trang nghi thức của kinh điển Phật, Lão mà dùng phương pháp ẩn dụ để kể chuyện đánh nhau, đấu phép, bắt yêu, trừ quái...” [2, tr.119], mà ở đó, hầu hết các nhân vật từ thần tiên, ma quỷ đến con người, động vật... đều được trao cho các phép thần thông biến hóa.

Nhà nghiên cứu Lương Duy Thứ trong cuốn “Để hiểu 8 bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc” khẳng định: “Tây du” là bộ truyện lãng mạn mang màu sắc thần thoại hiếm thấy trong lịch sử văn học Trung Quốc. Đối tượng miêu tả của tác phẩm là thần Phật, yêu quái. Sức tưởng tượng mạnh mẽ của tác giả đưa người đọc vào một thế giới huyền ảo, diệu kỳ. Đọc “Tây du”, chúng ta gặp hết chuyện ly kỳ này đến chuyện li kỳ khác không thể đoán trước được. Mỗi hồi mỗi đoạn đều mới mẻ hấp dẫn, không chỗ nào giống chỗ nào” [3, tr.65].

Trong cuốn “Lịch sử văn học Trung Quốc”, tác giả Lê Huy Tiêu đưa ra nhận định: “Lấy thần Phật, yêu quái làm đối tượng miêu tả chủ yếu, “Tây du ký” đã sáng tạo ra cho người đọc một thế giới ảo tưởng. Mặc dù mang tính chất thần kỳ rất nhiều, thế giới ảo tưởng này là tác giả căn cứ vào cuộc sống hiện thực mà hư cấu ra” [4, tr.458]. Đồng thời, ông khẳng định: “Tính cách của thần, Phật, yêu ma cũng đều là tính cách của người trong cuộc sống hiện thực khái quát và nâng cao lên” [4, tr.458].

Ngoài ra, những nghiên cứu về tác phẩm đặc sắc này còn được đăng tải trên các tạp chí khoa học, mang đến nhiều kiến giải mới mẻ, thú vị cho những người say mê, yêu thích “Tây du”.

Tác giả Trần Hà trong bài viết “Huyền Trang và chuyên thỉnh kinh lịch sử” luận bàn về câu chuyện Tam Tạng thỉnh kinh Đông Độ. Ông cho rằng: “Tây du kí diễn nghĩa” là một bộ tiểu thuyết thần quái, những tình tiết vô cùng hấp dẫn, nhân vật hết sức linh hoạt, đã vậy triết lý lại cao thâm. Vì thế, mặc dù truyện Tam Tạng thỉnh kinh Đông Độ là chuyện thật lịch sử nhưng do ảnh hưởng của truyện “Tây du ký”, đôi khi người ta không thể không đặt vấn đề: Tam Tạng là người thật sao? Chuyện thỉnh kinh là chuyện thật chăng? Và thật đến mức nào?” [5, tr.12].

Dưới góc nhìn Phật giáo, bài viết “Câu chuyện “Chiếc bát vàng” của Vân Phong, Bảo Đức lí giải những ẩn ý lớn lao mà Ngô Thừa Ân gửi gắm đến độc giả thông qua một chi tiết nghệ thuật vô cùng đặc sắc của tác phẩm: “Phật mong muốn chúng sinh là: hãy xả bỏ thế gian để tiếp nhận Pháp xuất thế gian (Kinh Phật). Khi xả bỏ được pháp xuất thế gian mới thành bậc giác ngộ” [6, tr.59]. Vì vậy, khi “chiếc bát vàng” được trao vào tay Tôn Giả An - Nan là khi Ngài đã đón nhận sự chân thành từ bỏ “sự vô tri” của chúng sinh và trao vào tay chúng sinh “nguồn trí tuệ” (Bát Nhã của Chư Phật).

Trong bài viết “Sự thống nhất kỳ - chân” trong “Tây du ký”, tác giả Võ Hồng Hà lí giải màu sắc kì ảo của tác phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với cuộc sống thực tại: “Đọc “Tây du ký”, người ta dễ dàng gặp nhau ở một cảm nhận chung về sự thống nhất biện chứng giữa yêu tố “kỳ” với yếu

tổ “chân”, mà biểu hiện cốt lõi của nó là “ảo trung hàm lý, trung ngụ tình” (trong cái ảo có chứa lý, trong cái kỳ có ngụ tình)” [7, tr.34].

Tác giả Phạm Ngọc Hàm với bài viết “Hình tượng nhân vật Trư Bát Giới trong tác phẩm “Tây du ký” của Ngô Thừa Ân cũng khẳng định: “Nếu không có những trải nghiệm thực tế và am hiểu tường tận về khoảng cách giữa hiện thực với chất lãng mạn cũng như mô thức về nhân vật thần thoại, Ngô Thừa Ân sẽ khó có thể thành công trong việc xây dựng nhân vật điển hình” [8, tr.50].

“Năm Thân nói chuyện Ngô Thừa Ân và Tề Thiên Đại Thánh” trình bày những hiểu biết và sự lý giải của tác giả Tịnh Bảo Bảo về nguồn gốc nhân vật Tôn Ngộ Không và vị trí của nhân vật này trong tác phẩm: “Tôn Ngộ Không là sự kết hợp hài hòa giữa Thần linh, Con người và Loài vật (Khi)... là biểu hiện của Lí trí. Không có lý trí thì không thể làm nên gì cả” [9, tr.49].

Như vậy, thông qua những công trình nghiên cứu về “Tây du ký”, chúng tôi nhận thấy: Hầu hết các công trình này đã đem đến cho độc giả những cách kiến giải khác nhau về giá trị của tác phẩm nhưng đều gặp nhau ở một điểm chung duy nhất, đó là sự ngưỡng mộ khả năng thiên tài của Ngô Thừa Ân và khao khát lý giải thế giới nghệ thuật vô cùng độc đáo của tác phẩm, trong đó phải kể đến vai trò của các yếu tố kì ảo. Tuy nhiên những bài viết mang tính chuyên sâu, tìm hiểu về các yếu tố kì ảo và hệ thống mô típ trong tác phẩm vẫn còn nhiều khoảng trống cần được bồi đắp. Nhận thức được vị trí quan trọng của mô típ và điểm mạnh của hướng nghiên cứu hệ thống mô típ trong truyện kể dân gian, chúng tôi triển khai bài viết với hi vọng có thể bám sát hệ thống mô típ biến hình để tìm ra chức năng, vai trò của chúng, nhằm giúp bạn đọc giải mã thêm nhiều tầng ý nghĩa của tác phẩm.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô típ, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp thi pháp học, kết hợp các thao tác: khảo sát, thống kê, phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tiêu chí và hướng khảo sát

Thuật ngữ “mô típ”, cho đến nay không còn xa lạ đối với việc học tập và nghiên cứu văn học. “Từ điển Tiếng Việt” khẳng định: Mô típ là “Yếu tố cơ bản trong cấu tạo đề tài của tác phẩm nghệ thuật” [10, tr.622]. “Từ điển thuật ngữ văn học” thì cho biết: “Từ Hán Việt “mô típ” là mẫu đề (do người Trung Quốc phiên âm chữ motif trong tiếng Pháp), có thể chuyển thành các từ khuôn, dạng hoặc kiểu trong tiếng Việt, nhằm chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định, bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật dân gian. Các mô típ hay được sử dụng như mô típ “người đội lốt cóc”, “lốt quả thị”, mô típ “nạn hồng thủy”... [11, tr.197].

Mô típ biến hình có khởi đầu từ thể loại văn học đầu tiên là thần thoại và thể hiện nhiều nhất trong thể loại truyện cổ tích.

Trong kho tàng thần thoại của thế giới, hiếm thấy bộ thần thoại nào lại đồ sộ và vĩ đại như thần thoại Hy Lạp mà ở đó có sự xuất hiện dày đặc của mô típ biến hình. Ví dụ như câu chuyện Dớt vì đem lòng mến mộ Danae xinh đẹp mà biến thành những hạt mưa vàng. Những giọt mưa lọt qua mái của căn buồng, rơi vào phòng Danae. Thế rồi, Dớt xuống ăn nằm với nàng dưới tầng hầm, nơi mà nàng bị cha nhốt và sinh ra Perxê. Hay câu chuyện nàng Daphne bị thần Apollo theo đuổi đã không còn cách nào khác đành phải xin vua cha biến mình thành một cây nguyệt quế. Sau này, cành nguyệt quế trở thành biểu tượng của vinh quang và ánh sáng, biểu tượng của thần Apollo.

Thần thoại Trung Hoa cũng có câu chuyện về Bàn Cổ, người tạo lập ra vũ trụ với nhiều chi tiết biến hình đáng chú ý như: Bàn Cổ lấy thân mình chống giữ bầu trời, đầu đội trời, chân đạp đất. Khi đất và trời đã vững chắc, ổn định, Bàn Cổ ngã ra chết, thân thể và khí lực hóa thành tất cả các sự vật, hiện tượng của thế giới.

Tuy nhiên, trong văn học dân gian, loại truyện có nhiều mô típ biến hình nhất là truyện cổ tích thần kỳ. Truyện “Tám Cám” của người Việt cùng một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản (“Ông già làm cho hoa nở”), Thái Lan (“Con cá vàng”), Hy Lạp (“Nàng Tro Bép”)... có một hệ



thống mô típ biến hình giống nhau cùng góp phần thúc đẩy cốt truyện. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, dân tộc lại có cách thể hiện khác nhau. Tâm chết, linh hồn hóa thân thành chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, rồi cây thị, quả thị. Trải qua nhiều lần hóa thân, Tấm được trở lại làm người, xinh đẹp và tự tin hơn xưa. Đó là ước mơ của nhân dân ta dành cho những con người nhân hậu, tốt bụng theo đúng triết lý: “Ở hiền gặp lành”, “Ác giả ác báo”.

Như vậy, có thể thấy, thông qua mô típ biến hình, nhân loại từ xa xưa đã đều gửi gắm ước mơ, khát vọng và niềm tin của dân tộc mình vào những yếu tố huyền hoặc, hư ảo mà con người không thể tìm thấy trong hiện thực.

Kế thừa sâu sắc tư duy huyền thoại của con người thời nguyên thủy, từ các thể loại văn học dân gian ra đời trước đó, Ngô Thừa Ân đã xây dựng nên trong “Tây du ký” một hệ thống các mô típ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: mô típ sự ra đời thần kỳ, mô típ tái sinh, mô típ hàng phục yêu quái, mô típ chinh phục tự nhiên, mô típ chinh phục cái chết... Tất cả đều được kết hợp rất điều luyện trở thành một chỉnh thể thống nhất, đa dạng, tạo nên sức hấp dẫn cho hàng trăm hồi truyện “Tây du”. Ở đây, Ngô Thừa Ân đã cấp cho hệ thống các mô típ này hơi thở mới của thời đại, thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức và phản ánh cuộc sống, qua đó làm nên vẻ lung linh, huyền ảo mà vẫn đậm chất hiện thực của thiên tiểu thuyết đồ sộ “Tây du”.

3.2. Kết quả

Tiến hành khảo sát mô típ biến hình trong “Tây du ký”, chúng tôi nhận thấy có các hình thức biến hình sau: biến hình thành người, biến hình thành động vật, biến hình thành thực vật, đồ vật và một số hình thức biến hình phong phú khác. Trong đó: Hình thức biến hình thành động vật xuất hiện với tần số cao nhất: 73 lần trong tổng số 160 lần biến hình trong tác phẩm, chiếm 45,6%. Hình thức biến hình thành người đứng thứ hai: 63 lần, chiếm 39,4%. Các hình thức biến hình khác xuất hiện ít, chiếm 15% với 24 lần xuất hiện.

Theo kết quả tại Bảng 1, số lượng chủ thể biến hình thành động vật trong “Tây du ký” không nhiều, gồm 5 nhân vật: Tôn Ngộ Không, Nhị Lang, Ngọc long Tam thái tử, Trư Bát Giới và Ngưu Ma Vương nhưng đối tượng sau biến hình thì rất phong phú, đa dạng. Đó có thể là những con vật quen thuộc như: khỉ, bọ, nhặng, chim, rắn, ong, ruồi, thỏ, cua, chuột, ve... Đó cũng có thể là những con vật dữ tợn, hiếm gặp trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như: hổ đói, sư tử mắt vàng, con voi to mũi tựa rắn, con tôm cái dài còng, con yêu tinh đầu cây, con beo lớn có vằn hoa đồng tiền... Các nhân vật thực hiện phép biến hình ở hầu hết các hồi trong toàn bộ thiên truyện. Thậm chí, trong một hồi, thuật biến hình có thể diễn ra với nhiều hình thức biến hình khác nhau đã tạo nên sự lôi cuốn cho mỗi trang truyện “Tây du” và sức hấp dẫn của các nhân vật kì ảo.

Bảng 1. Khảo sát mô típ biến hình thành động vật trong “Tây du ký” của Ngô Thừa Ân

STT	Nhân vật thực hiện biến hình	Đối tượng sau biến hình	Trang	Hồi	Tập
1	Tôn Ngộ Không	Hai ba trăm khỉ	64,69	2, 3	I
		Con bọ	107	5	I
		Con chim sẻ	126	6	I
		Con quạ già	126	6	I
		Con cá	127	6	I
		Rắn nước	127	6	I
		Chim bảo	127	6	I
		Con ong mật	289	16	I
			91, 99, 486, 751	55, 78, 94	II
		Con ruồi chân hoa	372	21	I
		Con bọ mát	554, 556, 603, 803, 804, 809, 169,	32, 34, 46	I
			169, 454, 492	58, 76, 78	II
		Con chim mỏ sâu	555	32	I
		Con nhặng xanh	586, 727	34, 41	I
			35, 335, 381, 419, 554, 560	51, 70, 72, 74, 82	II

STT	Nhân vật thực hiện biến hình	Đối tượng sau biến hình	Trang	Hồi	Tập
		Con thỏ trắng	648	37	I
		Con rết dài bảy thước	804	46	I
		Con chó vàng	813	46	I
		Con chim ưng	815	46	I
		Con rận lợn	342, 382, 558	70, 72, 82	II
		Con tôm cái dài còng	857	49	I
		Con yêu tinh đầu cày	859	49	I
		Con yêu tinh đầu cày	35	51	II
		Con dế nhỏ	39, 40	52	II
		Con cua	182, 227	60, 63	II
		Con chim đông thanh hải	196	61	II
		Con phượng đen	197	61	II
		Con phượng đỏ	197	61	II
		Con hổ đói	197	61	II
		Sư tử mắt vàng	197	61	II
		Con voi to, mũi tựa rắn	197	61	II
		Con chuột	265, 587, 626	65, 84, 86	II
		Con ve to	342	70	II
		con Sơn xuyên giáp, tục gọi là lăng lý lân	400	73	II
		Con ruồi trâu đen	469	77	II
		Con thiêu thân	585	84	II
		Con kiến	597, 598, 626, 628	84, 86	II
		Con bướm bướm	668	89	II
		Con đom đóm	708	92	II
		Con sâu bay	790, 793	97	II
2	Nhị Lang	Con chim cắt	126	6	I
		Con hạc bể	127	6	I
		chim bồ nông	127	6	I
		Con hạc màu gio	127	6	I
3	Ngọc long Tam thái tử (Ngựa bạch)	Ngựa	273	15	I
		Rồng	515	30	I
4	Trư Bát Giới	Con lợn thật to	298	67	II
		Con cá	382	72	II
		Con thiên nga	196	61	II
		Con chim cắt vàng	197	61	II
		Con hạc trắng	197	61	II
5	Ngưu Ma Vương	Con nai non ngợ ngác	197	61	II
		Con beo lớn có vằn hoa đồng tiền	197	61	II
		Con gấu người bắt sư tử	197	61	II
		Con trâu trắng to, sừng dài	200	61	II

Như vậy, có thể thấy, mô típ biến trong “Tây du ký” không chỉ quy định tài năng, phẩm chất nhân vật mà sự cộng hưởng của các hình thức biến hình còn dẫn dắt diễn tiến của câu chuyện “Tây du”, trong đó, đặc sắc và thú vị nhất là mô típ biến hình thành động vật. Cùng với các hình thức biến hình, xét thấy nhân vật thực hiện biến hình nhiều nhất là Tôn Ngộ Không với hành động biến hóa khôn lường, số lần thực hiện đây đặc. Chắc hẳn tác giả chú ý đặc biệt đến nhân vật này trong việc gửi gắm ý đồ và tư tưởng của mình. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tập trung lý giải hình thức biến hình xuất hiện nhiều nhất trong “Tây du ký”, đó chính là biến hình thành động vật.

Tôn Ngộ Không là nhân vật thực hiện biến hình thành động vật nhiều nhất, 58 lần trong tổng số các lần biến hình biến hình thành động vật của các nhân vật tham gia biến hình. Ví dụ, trong

cuộc hỗn chiến cùng Nguru Ma Vương, hàng loạt chi tiết biến hình thành động vật xuất hiện, thể hiện sự đua tài, biến hóa của hai thế lực. Đầu tiên, Ma Vương biến thành con chim cất vàng thì Tôn càng thể hiện bản lĩnh, biến ngay ra một con chim đông thanh hải; Ma Vương biến thành con chim thiên nga thì Tôn biến thành con phượng đen. Lần lượt sau đó, Nguru Ma Vương tiếp tục biến thành con nai ngơ ngác, rồi con beo lớn có vằn hoa đồng tiền, con gấu người bắt sư tử, để rồi cuối cùng hiện nguyên hình con trâu trắng, sừng dài. Tương ứng với hàng loạt con vật “chiến” mà Ma Vương vừa biến hóa, Tôn Ngộ Không cũng lần lượt biến thành con phượng đỏ, con hổ đói, sư tử mắt vàng, rồi con voi to. Tất cả đều chứng tỏ sức mạnh của người anh hùng có khả năng khiến bọn ác bá, cường hào phải run sợ và chịu khuất phục.

Trong nhiều hồi, chỉ khi Tôn Ngộ Không biến thành những con vật bé nhỏ, người anh hùng mới thực sự chinh phục được đối thủ, ví như việc Tôn biến thành con nhặng xanh, biến thành con bọ mát hay con ong mật... Một phần bởi đây là những con vật tuy nhỏ bé nhưng vô cùng hữu ích. Phần khác, quan trọng hơn bởi trong xã hội lúc bấy giờ, vua chúa, quan lại là những người đa nghi, tàn ác và chỉ có thể là những con vật bé nhỏ ấy mới có thể đánh lạc hướng sự chú ý của chúng và giành thắng lợi.

Để theo dõi và làm rõ bộ mặt lười nhác, giả tạo của Trư Bát Giới, Tôn Ngộ Không phải “nhao mình một cái biến ra con bọ mát, kêu ve một tiếng, bay theo kip Bát Giới, đậu trên sợi lông bồm ngay sau mang tai Bát Giới” [12, tr.554]. Ngay sau khi thấy Bát Giới chui vào trong đám cỏ ngủ như chết, Tôn càng cố tình trêu chọc y. Tôn biến thành một con chim mổ sâu xà xuống mổ chảy máu môi Bát Giới. Đến đây thì tiếng cười bật lên nhưng là tiếng cười thức tỉnh. Khao khát về sự hưởng lạc, nhân hạ là khát khao chính đáng của người lao động nhưng đôi khi có xen lẫn chút mánh khốc nhỏ nhặt, trốn tránh trách nhiệm thì rất đáng để chỉ trích và loại bỏ.

Trong hồi thứ bốn mươi sáu, dưới hình thức biến thành con bọ mát, Tôn Ngộ Không đã giúp sư phụ của mình đấu lại được ba tên đạo sĩ nguyên là ba con yêu tinh biến thành. Chúng làm mưa làm gió, bắt giết các tăng sư và tôn cao đạo sĩ khiến Quốc vương còn phải nhượng bộ. Thầy trò Đường Tăng thấy cảnh đồng đạo của mình ở trong hoàn cảnh như vậy liền ra tay giúp sức. Với phép thần thông biến hóa cùng tài mưu lược của đại đệ tử Tôn Ngộ Không, cuộc đấu với ba tên đạo sĩ trở nên dễ dàng. Bản tính nhu nhược, mù quáng của vua nước Xa Trì cũng nhờ đó được thức tỉnh. Ở đây, tác giả muốn nhấn mạnh đến lý tưởng cao đẹp “hành hiệp trượng nghĩa”, cứu dân giúp nước của người anh hùng thời loạn. Trong cuộc đấu pháp phép tọa thiền với Hồ Lặc Đại tiên, nếu không nhờ “con bọ mát” bay lên lại “biến thành con rết dài bảy tấc” làm tên đạo sĩ ngã kênh xuống đất, thì chắc chắn Đường Tăng đã là người ngã xuống trước. Trước nhiều cuộc thách đấu đoán biết những vật trong hòm, cũng nhờ Tôn biến thành con bọ mát nhỏ bé, lén vào hòm biến hóa lại và nói cho Đường Tăng biết đáp án mà lần nào Đường Tăng cũng chiến thắng: “Đại Thánh nhẹ nhàng bay đến chỗ cái hòm, đậu ở dưới chân hòm, thấy có một đường khe ván, liền chui luôn vào trong” [12, tr.805]. Để diệt trừ tận gốc bọn chúng, trong lần thách đấu cuối cùng Tôn biến ra “một con chó vàng” cầm đầu tên Hồ Lặc vút xuống sông khiến hắn phải hiện nguyên hình là quái thú Hồ lông vàng. Sau đó, Tôn lại biến ra “con chim ưng đói”, lôi ruột tên Lộc Lặc khiến hắn thành con Hươu long trắng chết, Dương Lặc hiện bản tướng Dê xồm. Vậy là, mối họa của nhân dân đã được loại trừ hết. Phải chăng, qua câu chuyện, Ngô Thừa Ân muốn nêu lên khát khao của nhân dân về sự tiêu trừ các thế lực quan hoạn chuyên quyền, đoạt vị, những nhiều dân chúng lao động thời bấy giờ, đồng thời thẳng thắn phê phán thái độ hèn nhát, mê muội của những ông vua bù nhìn, không giúp ích được gì cho dân cho nước.

Tại núi Hãm Không, động Vô Đề, Đường Tăng vì bản tính thương người, muốn giúp đỡ người gặp nạn đã cứu nhầm con yêu quái thân là Địa Dũng phu nhân do con chuột già mũi vàng lông trắng biến thành, cũng là con gái nuôi của Lý Thái Thiên Vương nên đã bị nó bắt vào động đòi làm nghĩa vợ chồng. Yêu quái lần này vô cùng thần thông, lại trú ngụ ở trong động rất hiểm trở, phải có bản tính gan dạ thì Tôn Ngộ Không mới dám một mình mạo hiểm, biến hóa vào động. Ngộ Không lường trước sự việc, tính toán linh hoạt: “Hắn đây là nơi ở của yêu tinh. Ta hãy đi vào trong nghe ngóng xem sao? Nhưng hãy khoan, nếu cứ thế này mà vào, nó sẽ biết là mình,

phải biến hóa khác đi mới được!” rồi “Bèn nhào mình cầm quyết, biến ra một con nhặng xanh, nhẹ bay lên đầu trên cửa lầu nghe ngóng” [13, tr.554]. Tác giả khen tài Tôn Ngộ Không sao mà “biến hóa tài tình, đầu ở sau tai khác gì một người mặt báo” [13, tr.558]. Ở đây, Ngô Thừa Ân muốn ám chỉ nhiệm vụ mặt báo của quân dân Trung Hoa trong quá trình hoạt động khởi nghĩa chống lại bọn phong kiến. Đã là mặt báo thì việc biến hóa phải hết sức khéo léo. Tôn giống như một người chiến sĩ dũng cảm đã làm được điều đó. Biết nữ quái sắp uống rượu cùng sư phụ, Tôn Ngộ Không “biến làm con bọ mát, nhẹ nhàng bay vào đám bột sủi” [13, tr.558], định chui vào bụng nó, nhưng việc còn chưa thành khi yêu quái nhìn thấy và gậy đi. Không chịu khuất phục, Tôn biến ra “con chim ưng già đói” đập đổ yến tiệc thành hôn của nữ quái và Đường Tăng; sau đó, lại kiên trì về sự nghiệp mặt thám của mình, biến thành con nhặng xanh lần nữa để nghe ngóng tình hình.

Xuất hiện rải rác trong nhiều hồi, có thể thấy con ong mật với hình dáng nhỏ bé, nhưng đã có công lao to lớn trên bước đường chiến đấu và liên tục chiến thắng các loài yêu ma của Tôn Ngộ Không và bốn thầy trò Đường Tăng. Trong hồi thứ năm mươi tư, bốn thầy trò dừng lại ở Tây Lương Nữ quốc. Nữ vương đòi kết duyên với Đường Tăng. Sau đó, Đường Tăng bị một người con gái bắt đi. Đuổi theo vết tích yêu tinh, Tôn “biến thành con ong mật” chui vào hang ổ của chúng, theo dõi tình hình. Sau khi thấy thời cơ chín muồi, Tôn hiện nguyên hình và đánh bắt chột. Như vậy, bước đầu sự nghiệp cứu sư phụ của Tôn đã thành công, giờ chỉ còn xem tài năng của đối phương như thế nào qua giao đấu. Tôn “nhào mình lại biến ra con ong mật, bay vào trong cửa” [13, tr. 99] bởi chỉ có thể biến hóa như vậy thì ngoại trừ thần tiên trên trời mới nhận ra, còn thân thủ của yêu ma không thể nào phát hiện được.

Ngô Thừa Ân quả đã tìm hiểu tập tính của các con vật rất kỹ lưỡng, nhận ra ưu, khuyết điểm của từng con vật và vận dụng linh hoạt những đặc tính của chúng trong các hoàn cảnh khác nhau để thúc đẩy hành động của nhân vật và diễn biến của câu chuyện. Tác giả đã đem đến cho Tôn Ngộ Không khí phách mạnh mẽ của chim ưng, sự khôn khéo, mưu trí, nhỏ bé của con bọ mát, sự nhanh nhẹn của con nhặng xanh, lòng trung thành tuyệt đối của con ong mật... Tổng hòa tất cả các hình thức biến hình thành thành động vật, có thể thấy người anh hùng Tôn Ngộ Không hiện lên với tất cả tình yêu thương của tác giả. Nhà văn đã đặt vào nhân vật của mình niềm hy vọng rất lớn về một lý tưởng cao đẹp mà xã hội ông sống không hề có.

3.3. Chức năng của mô típ biến hình trong “Tây du ký” của Ngô Thừa Ân

Từ câu chuyện đi lấy kinh của một tín đồ tôn giáo đời Đường, Ngô Thừa Ân bằng tài năng sáng tạo của mình đã lồng ghép trong đó một ý nghĩa hết sức hiện thực về thời đại sau nó đến mấy trăm năm. Như vậy, cốt truyện “Tây du ký” đã chuyển từ câu chuyện có thật sang một pho tiểu thuyết về người anh hùng thần thoại. Mô típ biến hình chính là hạt nhân dẫn đến sự thay đổi căn bản ấy và thúc đẩy diễn biến câu chuyện phát triển. Một trăm hồi truyện của “Tây du ký” là một trăm hồi mà người đọc hồi hộp, lo lắng, chờ đợi diễn biến và kết quả của bốn mươi một câu chuyện trên đường thỉnh kinh. Tuy từng câu chuyện dường như tách bạch, không có liên quan đến nhau nhưng trên thực tế chúng được móc nối với nhau một cách chặt chẽ để tạo thành kết cấu hoàn chỉnh. Trong đó, các hình thức biến hình trong câu chuyện nổi bật lên thành những sự kiện chính làm cơ sở cho việc dàn dựng kết cấu cốt truyện nối dài các sự kiện.

Hình thức biến hình trong “Tây du ký” còn quy định tính cách và hành động nhân vật. Trong xã hội đầy những bất công thì khả năng biến hình tài ba mà tác giả tạo ra cho Tôn Ngộ Không là vô cùng cần thiết. Trải qua bao nhiêu lần biến hóa, với tài năng và mưu trí, Tôn có thể trốn thoát hết lần này đến lần khác nhưng cuối cùng vẫn rơi vào tay cường quyền. Nhưng dù bị đè dưới núi Ngũ Hành thì Tôn vẫn không có giây phút nào từ bỏ đi tính khí ngang ngược, hành động phản nghịch của mình. Tính cách và hành động đó của Tôn còn tiếp tục được thể hiện trong suốt chặng đường cùng với sư phụ và các anh em sang Tây Thiên bái Phật cầu kinh, trải qua bao hoạn nạn vẫn hễ khuất phục.

Sống trong thời đại có sự xuất hiện của cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, tư tưởng Ngô Thừa Ân không thể không bị ảnh hưởng. Ông gần như tái hiện đầy đủ bức tranh xã hội với muôn vàn những bất công, sự đau khổ của người dân và sự đàn áp tận cùng của cường quyền. Vì vậy, trong “Tây du ký” đã nảy sinh một nghịch lý: con đường mà anh chàng họ Tôn chiến đấu cả tiên, phật, đạo dù có thần thông quảng đại, biến hóa khôn lường đến đâu cũng không thoát khỏi bàn tay Như lai, cuối cùng cũng quy y cửa Phật.

Trong những hồi đầu, qua các sự việc đại náo thiên cung, long cung và ngục phủ, dễ dàng thấy được nhận thức của tác giả về những hiện tượng trên trời dưới nước và bên dưới mười tám tầng địa ngục. Chỉ có Tôn Ngộ Không, sau khi học đủ phép trường sinh và có trong mình bảy mươi hai phép biến hóa thần thông mới có thể rẽ nước xuống quật phá Long cung, xuống âm phủ xóa sổ sinh tử và uy hiếp Diêm vương, đăng vân hoán vũ lên Trời áp đảo Thiên cung như vậy. Tư duy con người lúc này luôn ý thức về một vũ trụ mà mọi nơi đều có thần tiên, quỷ dữ ngự trị.

Trên đường lấy kinh, tác giả cho các nhân vật của mình đi qua chín nước trần thế, ở những nơi đó có những vị vua nhu nhược, vô đạo... Nhu nhược vì bị những loài yêu ma sai khiến mà không có chính kiến của mình. Ví như vua nước Xa Trì bị ba con yêu đạo Hồ, Hươu, Dê áp ngôi, vua ở đây chỉ là bù nhìn. Vô đạo vì nghe lời yêu ma làm việc ác. Ví như quốc vương nước Tỳ Kheo, nghe lời yêu quái chữa bệnh bằng tim gan của một nghìn một trăm mười một bé trai... Như vậy, từ cái nhìn của cá nhân tác giả, chúng ta thấy hiện lên cuộc sống đầy ải, vô cùng khổ cực của nhân dân. Người anh hùng họ Tôn xuất hiện với thuật biến hình đã giải quyết được vấn đề này, thể hiện nguyện vọng của nhân dân Trung Hoa về sự giải thoát cho con người ra khỏi hiện thực đen tối đó.

Bằng giọng văn hài hước, châm biếm, trào lộng nhưng vẫn tôn trọng màu sắc lịch sử, tác giả khéo léo lồng ghép hiện thực xã hội thời Minh vào trong câu chuyện xa xưa, bỏ qua ý nghĩa tôn giáo và thay đổi hướng phát triển cốt truyện, để đá kích không chỉ những thế lực trần thế mà cả những thế lực được con người tin tưởng, sùng bái như Tiên, Đạo, Phật. Bên cạnh đó, Ngô Thừa Ân cũng không quên bỏ qua những giây phút thoải mái cho những tiếng cười được bật lên, thể hiện niềm lạc quan của con người. Qua tác phẩm, thông qua phương tiện của mẫu đề biến hình, tác giả đã góp phần thể hiện nhân sinh quan của nhân dân Trung Hoa, đó là nhận thức, là khát vọng chinh phục các thế lực của thế giới tự nhiên và cả những thế lực của xã hội phong kiến.

Có thể thấy, “Tây du ký” thuộc thể loại tiểu thuyết chương hồi. Mặc dù, tác phẩm mang đầy đủ những đặc điểm của thể loại trên nhưng khác với “Thủy hử”, “Tam Quốc chí diễn nghĩa” ở chỗ, “Tây du ký” không phải tiểu thuyết “giảng sử” hay “nghĩa hiệp” mà là tiểu thuyết lãng mạn, thần quái, bởi nó dựa trên thoại bản về câu chuyện thần thoại dân gian về nhà sư trẻ Huyền Trang một mình sang Tây thiên bái Phật cầu kinh; các nhân vật trong đó mang tính chất thần kỳ và thế giới mà nó miêu tả là thế giới ảo tưởng của không gian vũ trụ, rất gần gũi với một tác phẩm thần thoại. Chính vì thế, “Tây du ký” mang tính tiểu thuyết hóa thần thoại. Nó là tiểu thuyết về thần thoại. Tuy mang màu sắc khá lớn của thần thoại, nhưng dưới ngòi bút tài ba của tác giả thì câu chuyện vốn mang bản chất thần thoại này ngẫu nhiên biến đổi thành tiểu thuyết. Bởi tác giả đã khéo dùng thần thoại để khái quát hiện thực, lồng ghép những yếu tố thần kỳ vào đời sống hiện thực bằng hàng loạt các phương tiện nghệ thuật. Tiểu thuyết mà thần thoại, thần thoại mà tiểu thuyết... hay nói đơn giản là kể chuyện thần thoại bằng tiểu thuyết. Chính điều này đã tạo ra sự thành công của Ngô Thừa Ân - người đầu tiên tạo nên đặc trưng thể loại cho “Tây du ký” nói riêng và thể loại tiểu thuyết thần quái nói chung mà mô típ biến hình là một trong những nhân tố quan trọng bậc nhất.

4. Kết luận

“Tây du ký” cùng với ba thiên tiểu thuyết nổi tiếng Trung Quốc là “Tam quốc chí diễn nghĩa”, “Thủy hử”, “Hồng Lâu Mộng” làm nên sự phồn vinh của kho tàng tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa. Đến với “Tây du ký”, chúng ta bắt gặp một thế giới ma quái nhưng cũng đầy tính hiện thực và lãng mạn bởi thần tiên và phép phật, không chỉ để giỡn đùa, để giải trí đơn thuần mà giúp nhà

văn truyền tải những tư tưởng vô cùng lớn lao, mang tính thời đại. Mô típ biến hình bắt nguồn từ mẫu đề dân gian, xuất hiện với tần số cao trong tác phẩm, có ý nghĩa rất lớn trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng tác giả cũng như lý tưởng thẩm mỹ của nhân dân Trung Hoa. Mô típ biến hình còn luôn luôn tồn tại trong mối quan hệ với các mô típ dân gian khác, tạo nên đặc trưng của thể loại tiểu thuyết thần quái và góp phần định hình tính “tiểu thuyết hóa thần thoại” trong “Tây du”. Với sức hấp dẫn vượt thời gian, chắc chắn “Tây du ký” sẽ còn tiếp tục “vẫy gọi” các công trình nghiên cứu ở các thế kỉ tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] X. D. Tran, *About the best classic Chinese novels*. Ho Chi Minh Publishing House, Ho Chi Minh, 1991.
- [2] A. D. Le, *Decoding the story “Travel to the West”*. Cultural and Information Publishing House, Hanoi, 1995.
- [3] D. T. Luong, *To understand 8 sets of classical Chinese novels*. Hanoi Vietnam National University Press, Hanoi, 2000.
- [4] H. T. Le, *History of Chinese Literature*, vol. 2, Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 2007.
- [5] H. Tran, “Huyen Trang and the hisroric visit,” *Journal Encyclopedia*, no. 57, pp. 12-21, 1959.
- [6] V. Phong and B. Duc, “The “Golden Bowl” story,” *Journal of Buddhist Studies*, no. 04, pp. 58-59, 1997.
- [7] H. H. Vo, “The dialectical unity of “strangeness - reality” in the “Travel to the West,” *VNU Journal of Science*, no. 2, pp. 34-40, 2002.
- [8] N. H. Pham, “The character Zhu Bajie in “Journey to the Wesst” by Wu Chengen,” *VNU Journal of Foreign Studies*, vol. 35, no. 02, pp. 44-52, 2019.
- [9] B. B. Tinh, “The year of the Monkey talks about Ngo Thua An and Te Thien Dai Thanh,” *Journal of Buddhist Studies*, no. 01, pp. 47-49, 2004.
- [10] P. Hoang, *Vietnamese Dictionary*. Da Nang Publishing House, Da Nang, 2005.
- [11] B. H. Le, D. S. Tran, and K. P. Nguyen, *Dictionary of literature terms*. Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 2011.
- [12] T. A. Ngo, *Travel to the West*, vol. 01, Thanh Hoa Publishing House, Thanh Hoa, 2008.
- [13] T. A. Ngo, *Travel to the West*, vol.02, Thanh Hoa Publishing House, Thanh Hoa, 2008.